

# Học chữ Nôm theo Tam Thiên Tự

Lê Mai Phương (Bi)

Hội thảo Hè 2002

Đại học Maine, Mỹ

Như chúng ta biết chữ Hán và chữ Nôm rất khó học. Ngày xưa để học chữ Hán và Nôm ông cha ta dùng phương pháp học thuộc lòng theo cuốn Tam Thiên Tự hay Ngũ Thiên Tự bằng cách

...	前	家	六	子	舉	天
	耀	茄	揆	穉	拮	歪
	後	國	三	孫	存	地
	齏	渚	巴	招	群	坦

đọc từ trên xuống dưới, từ phải sang trái, giống như cách chúng ta đọc dưới đây:

天歪地坦 Thiên: trời; Địa: đất;

舉拮存群 Cử: cất; Tồn: còn;

子穉孫招 Tử: con; Tôn: cháu;

六揆三巴 Lục: sáu; Tam: ba;

家茄國渚 Gia: nhà; Quốc: nước;

前耀後齏 Tiên: trước; Hậu: sau; v.v.

Nhưng cách học về từ chương này không sâu và khó nhận mặt chữ nếu không chịu khó ngồi tập viết. Để thử nghiệm cách học mới ông Ngô Thanh Nhân đã có phương pháp học chữ Nôm ở *Tam Thiên Tự* (TTT) như sau :

## 1. Dụng cụ cần có :

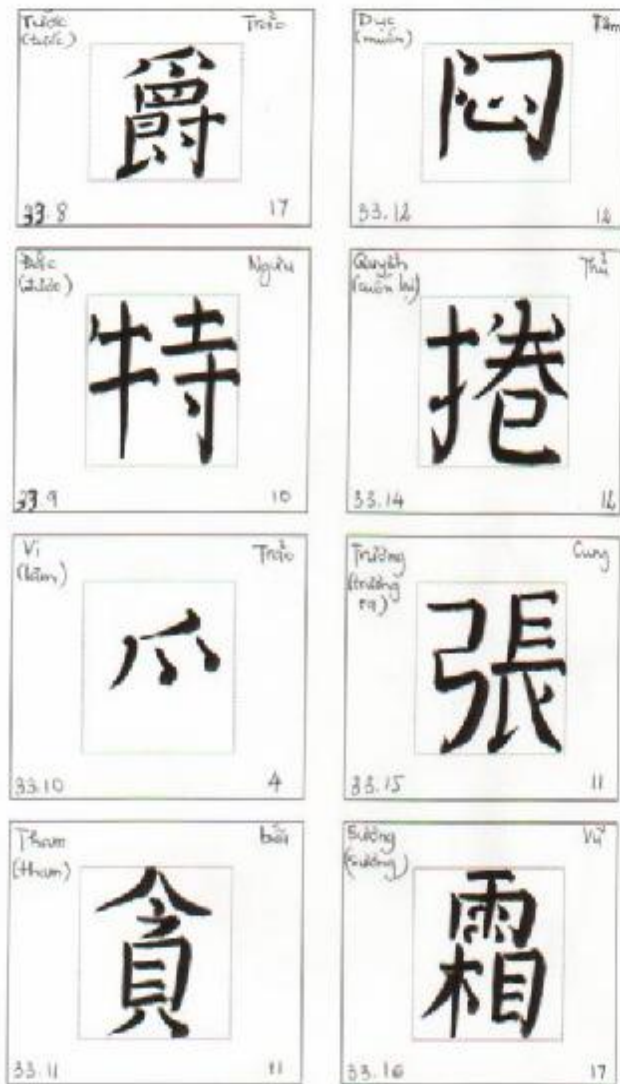
- Máy tính : Trong máy tính cần cài các chương trình *Fontographer, Adobe Photoshop*;
- *Scanner*;
- Bút lông, mực tàu và giấy A4;
- Quyển sách tập viết chữ Hán;
- Quyển *Tam Thiên Tự* (TTT) do Đoàn Trung Còn biên soạn (ấn bản lần thứ tư, Nhà xuất bản Văn hoá Thông tin, Tp HCM, 3/1999)
- *Tự điển chữ Nôm* của Vũ văn Kính (VVK), Trung tâm Học liệu, Sài Gòn, 1971;
- *Tự điển chữ Hán* của Thiều Chửu (TC), tái bản, Nhà xuất bản Tp HCM, 1999; và
- Nay thì có thể dùng thêm sách *Giúp Đọc Nôm và Hán Việt* của Linh Mục Trần văn Kiệt (GĐNHV), Nhà xuất bản Thuận Hoá, 1999.

2. Trước hết tập viết các nét chữ theo sách dạy viết chữ Hán. Cách viết : trái trước phải sau, trên trước dưới sau, ngoài trước trong sau. Mỗi tuần viết 24 chữ. Viết trong khoảng hai tháng thì hết quyển đó. Xong viết 214 bộ chữ Hán trong tự điển Thiều Chửu trên giấy A4 kê trên tờ giấy có kẻ khung vuông, lần này học để nhận ra các bộ gốc, và tập đếm nét của chữ. Góc trên bên phải ghi tên bộ, góc dưới bên phải ghi số nét, góc dưới trái ghi số trang của bộ đó. Phải phân biệt các bộ trông giống nhau mà viết khác nhau như bộ nhân 人, bát 八, và nhập 入; bộ khẩu 口 và bộ vi 凵; bộ nguyệt 月 và bộ nhục viết tắt 4 nét 月(肉)... Ngoài ra cùng một bộ có thể có hai cách viết khác nhau như bộ tâm 心 4 nét còn viết 3 nét 忄, hay bộ thủ 手 4 nét còn viết 3 nét 扌; bộ thủy 水 4 nét còn viết 3 nét 氵, ..., cho nên người học cần để ý để nhận ra được bộ của chữ.
3. Cách đếm số nét cũng khá phức tạp, ví dụ bộ ất 乙 trông nhiều nét mà thật sự là 1 nét, bộ khẩu 口 trông 4 nét mà là 3 nét, phải lấy tự điển TC làm chuẩn.

4. Trước khi vào phần học TTT nên biết về cấu trúc của chữ Nôm, có thể tham khảo ở trong tự điển của Vũ Văn Kính hay những tài liệu chữ Nôm của ông Nguyễn Quang Hồng, Ngô Thanh Nhân... và bài của Lê Anh Minh trong Hội Thảo Hà lần này.

5. Vào phần phân tích chữ: Viết chữ Nôm trong khung vuông, tìm bộ gốc của chữ ghi vào góc phải ở trên. Số nét của chữ ghi bên góc phải ở dưới. Bên đầu góc trái ghi tên chữ và góc trái ở dưới ghi số trang và chữ đó là chữ thứ mấy trong trang. Thí dụ 33.08 nghĩa là trang số 33 chữ thứ 8 đếm từ trái sang phải, từ trên xuống dưới.

Sau một thời gian đã quen được các bộ chữ, cách đếm nét chữ và cách ghép chữ trái-phải, trên-dưới hay trong-ngoài, chúng ta qua phần phân tích chữ làm vào trong bảng Excel như sau :



- Cột A : Thứ tự chữ trong TTT.
- Cột B : Chữ Nôm do chính người học tự viết và làm *font* bỏ vào *Excel*, dùng *scanner* cùng với *Adobe Photoshop* và chương trình *Fontographer*.
- Cột C : Trong bài mẫu này là chữ Nôm Unicode do nhóm *ofof* làm ra. Chỉ dùng để tham khảo.
- Cột D : Tên chữ viết bằng quốc ngữ.
- Cột E : Số nét của chữ.
- Cột F : Bộ gốc của chữ.
- Cột G: Chữ nằm ở bên trái hay ở trên hay ở ngoài. Dùng tự điển TC hay VVK giúp ta tìm chữ.
- Cột H : Số nét của cột G.
- Cột I : Chữ nằm ở bên phải, ở dưới hay ở trong. Dùng tự điển TC hay VVK giúp tìm chữ.
- Cột J : Số nét của cột I.
- Cột K : Tên chữ viết quốc ngữ theo cách đọc Hán-Việt (chữ đầu trong TTT).
- Cột L : Số trang và số thứ tự của chữ trong trang.
- Cột M : Chú thích nếu có.

A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L
1958	穷	窮	cùng	7 nét	miên	Trên: miên	3 nét	Dưới: phân	4 nét	<b>cộng</b>	99x15
1959	椿	椿	thùng	13 nét	mộc	Trái: mộc	4 nét	Phải: thung	11 nét	<b>dông</b>	99x16
1960	甕	甕	ống	18 nét	ngoã	Trên : ung	13 nét	Dưới: ngoã	5 nét	<b>đồng</b>	99x17
1961	棟	棟	đóng	11 nét	thổ	Trái: thổ	3 nét	Phải: đông	8 nét	<b>phụ</b>	99x18
1962	溪	溪	khe	13 nét	thủy	Trái: thủy	3 nét	Phải: hề	10 nét	<b>khê</b>	99x19

Đoạn này trong TTT trang 99 đọc là:

Cộng (cột K): cùng (cột D);  
 Đông: thùng;  
 Đồng: ống;  
 Phụ: đóng;  
 Khê: khe; v.v.

Mỗi bài sau khi làm xong sẽ nộp vào cuối tuần qua *fax* (nếu có). Hay thay vì dùng *fax* ta có thể dùng *scanner*, *scan* bài và gửi dưới dạng *attachment* để sửa bài hay hướng dẫn thêm qua *email*.

Qua phần phân tích chữ (dùng *Excel* và *Fontographer*) mỗi lần gửi bài chỉ cần gửi *attachments* qua *email* là đủ vì chữ Nôm sau khi làm *font* sẽ hiện ra trong *Excel*. Người

kiểm bài sẽ cho biết là chữ nào đếm sai nét, tìm bộ có đúng không, chữ nào tìm không ra hay sai... Có thể thảo luận nếu không đồng ý.

Phải nói học chữ Nôm rất khó nhớ, theo phương pháp này chúng ta vừa tập viết vừa tập làm *font* và phân tích chữ thành âm và nghĩa như ở trên thì đây cũng là hình thức giúp chúng ta nhớ chữ Nôm sâu hơn và có thể đọc được chữ Nôm.

### Tìm bộ của chữ và những vấn đề khi tìm bộ :

Chúng ta cũng cần biết rằng không phải chữ Nôm nào cũng có bộ gốc là một trong 224 bộ chữ Hán, mà phải biết cấu trúc của chữ Nôm có thể thuộc loại “hài thanh” gồm hai chữ Hán ghép lại, một chữ biểu ý, một chữ biểu âm vì thế ta sẽ chọn chữ biểu ý làm bộ. Thí dụ : chữ “tên” 𠄎 gồm hai chữ “tiên” 先 bên trái biểu âm; “danh” 名 bên phải biểu ý, thành ra ta có thể chọn “danh” 名 là bộ của chữ đó. Hay chữ “ba” 𠄎 gồm “ba” 巴 (trái) 𠄎 âm + “tam” 三 (phải) 𠄎 ý, ta có thể chọn “tam” 三 làm bộ của chữ.

Biết được bộ của chữ Nôm đối với người đi học cũng là điều khá phức tạp. Cùng một nghĩa, một chữ có thể viết theo nhiều bộ khác nhau . Ví dụ : chữ “thất”:

扶 (TTT): thủ 扌 (trái ) + thất 失 (phải)

紕 (VVK): mịch 糸 (trái) + thất 失 (phải)

Cả hai cách dùng bộ trên đều đúng cho chữ “thất” tùy ý muốn diễn tả. Nhưng cũng có trường hợp cùng một chữ viết cùng một nghĩa mà hai cuốn tự điển xếp vào bộ hoàn toàn khác nhau không cùng một ý như chữ “danh” 名, trong tự điển TC xếp vào bộ “khẩu” 口 còn cuốn GĐNHV của Linh mục Trần văn Kiệm lại xếp vào bộ “tịch” 夕, vậy ai đúng ? Theo ý người viết bài này chữ “danh” 名 bộ “khẩu” 口 phù hợp hơn vì danh là *tên, xưng tên*; còn “tịch” 夕 có nghĩa là *buổi tối, đêm* nên bộ “tịch” không hợp cho chữ “danh”. Cho nên chữ “tên” 𠄎 (ở đoạn trên đã cho ví dụ: “tiên” 先 𠄎 âm (trái) + “danh” 名 𠄎 ý (phải)), trong GĐNHV đã xếp vào bộ “tịch” có thể không hợp lý lắm.

Ngoài ra trong TTT cũng có khi viết chữ Nôm không thích hợp cho chữ đó, như chữ “đạp” 𠄎 (56.06, **Tiến**: *đạp*) viết : bộ *thủ* 扌 + *cai* 𠄎, khi nghe/nói chữ “đạp” ta liên tưởng đến cái chân giẫm lên hay đạp một vật gì, mà trong TTT lại dùng bộ “thủ” 扌 biểu ý và dùng chữ “cai” 𠄎 để biểu thị âm cho chữ “đạp”. Trong khi đó tự điển VVK và GĐNHV của Linh mục Trần văn Kiệm đã viết chữ “đạp” 踏 : bộ túc 足 (trái: ý) + *đạp* 𠄎 (phải: âm) có lẽ đúng hơn. Trong cùng trang, ở cùng cột 3, ngay trên và dưới cặp chữ **Tiến**: *đạp*, có cặp chữ **Nhuông**: *gây* (56.03) và **Tao**: *gãi* (56.09), cả ba cặp chữ trên đều viết giống nhau bộ *thủ* 扌 + *cai* 𠄎 𠄎 làm người học bị phân vân không biết chữ “đạp” đã bị in sai hay chính tác giả đã dùng chữ như vậy.

Cho nên việc in không chính xác, hay cách dùng bộ không chuẩn của các nhà Nôm học với nhau làm người học chữ Nôm bị lúng túng, rối trí thấy chữ Nôm rắc rối hơn. Vì chúng ta chưa (hay không) có được bản chính của các bản chữ Nôm nên khó có thể kết luận đâu là bản in đúng đâu là bản bị in sai hay tác giả đã xếp sai bộ hoặc viết chữ Nôm sai, như các ví dụ ở trên làm cho việc dạy và học chữ Nôm thêm nhiều khó khăn phức tạp.

### Giúp nhớ thêm chữ:

Nếu ta nhớ được một chữ có thể suy ra được các chữ có âm na ná giống nhau.

**Ví dụ 1 :** Nhớ được chữ “lợi” 利 à hòa 禾 + đao 刂

§ Ta dùng chữ “lợi” này 利 cho nghĩa lợi lộc, ích lợi (chữ Hán đã Việt hoá) hay cho chữ “lời”, mượn lâu đọc trại thành tiếng Việt, vẫn mang nghĩa là có lợi (*gain, profit*), lời lãi.

§ Hay thêm bộ khẩu bên cạnh chữ “lợi” à 唎 đọc là lời trong lời nói. Chữ này còn viết cách khác là 啞 *lời* (khẩu 口 + 舌 trời/nhời/blời...), như trong Đức Chúa Lời.

**Ví dụ 2 :** Nhớ được chữ “mông” 蒙 chỉ nước Mông cổ 蒙古

§ Thêm bộ nhục + mông à 朦 đọc là *mông* trong nhóm chữ thịt mông, cái mông; do đó khi nói “mông cổ” trong tiếng Việt có hai nghĩa, một là nước Mông Cổ 蒙古, hai là mông 朦 và cổ 股;

§ Thêm bộ nhật + mông à 矇 đọc là *mông* trong mông 1, mông 2...;

§ Thêm bộ vũ + mông à 蒙 đọc là *mông* để chỉ mông cầu vòng.

**Đề nghị:** Để chữ Nôm không bị mai một mất dần theo thời gian và để thế hệ trẻ đến gần với chữ Nôm hơn, các trường học ở Việt Nam nên dạy thêm môn chữ Nôm trong chương trình giảng dạy, nếu được học từ nhỏ thì sẽ đỡ thấy khó khăn hơn làm quen với chữ Nôm như một môn vẽ vừa học vừa chơi từ đó các em sẽ có khái niệm và biết đâu lại yêu thích nó.